

Công Ty Cổ Phần Vật Tư Y Tế Hà Nội CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1507/2020/QĐ-HMP

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố tiêu chuẩn cơ sở

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ Y TẾ HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 do Chủ tịch nước công bố ngày 12 tháng 7 năm 2006;
- Căn cứ Thông tư 21/2007/TT_BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;
- Căn cứ theo nhu cầu hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố tiêu chuẩn cơ sở

Tiêu chuẩn TCCS 01:2020/HMP áp dụng cho sản phẩm hàng hóa:

BAO CAO SU SAGAMI

Điều 2: Các nhân viên có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tất cả các phòng ban
- Lưu VT



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ Y TẾ HÀ NỘI
A8, lô 18, Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, Q. Hoàng Mai, TP Hà Nội

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 01:2020/HMP

BAO CAO SU SAGAMI

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2020



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG

BAO CAO SU SAGAMI

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm BAO CAO SU SAGAMI được dùng trong mục đích tránh thai và trợ giúp trong việc phòng tránh bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, đặc biệt là virus HIV (bệnh AIDS). Sản phẩm do Công ty Cổ phần Vật tư Y tế Hà Nội, địa chỉ A8, lô 18, Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, Q. Hoàng Mai, TP Hà Nội nhập khẩu kinh doanh.

2. Quy cách

a. Kiểu loại: Bao cao su Sagami gồm:

- SAGAMI TYPE E: BLACK BOX; GREEN BOX; STYMULEVE; WHITE BOX
- SAGAMI LOVE ME GOLD: SUPPER THIN, BLUE BOX, ORANGE BOX, CLASSIC
- SAGAMI DOTTY G: FEEL LONG, ARE ARE; FELL UP, SUPPER DOT
- SAGAMI SIX FIT V: TIGHT FIT; MIRACLE FIT; COBRA, FELL FIT; MAGIC SHAPE; EXCEED 2000
- SAGAMI AMINO GOLD: SPEARMINT, COLA, ENERGY, STRAWBERRY
- SAGAMI ORIGINAL: 001; 002

b. Ngoại quan

- Bề mặt của sản phẩm phải đảm bảo bóng đẹp, không bị lõ thủng hoặc rách.
- Sản phẩm không bị các khuyết tật như khuyết hoặc méo vành và các dị tật dính trên bề mặt.
- Hình dạng (biến dạng) và kích thước không bị sai lệch so với thiết kế.

3. Yêu cầu kỹ thuật

Loại	Tên chỉ tiêu	Tiêu chuẩn TCVN 6342:2007 (ISO 4074:2002)	Kết quả	PP thử
SAGAMI TYPE E	Chiều dài (mm)	$\geq 160\text{mm}$	191mm	ISO 4074:20 02
	Chiều rộng(mm)	$52 \pm 2\text{mm}$	53mm	
	Chiều dày (mm)	$\leq (0,065 \pm 0,015)\text{mm}$	0,05mm	
	Trước xử lý già hóa : Thể tích nở (l) Áp suất nở (kPa)	18dm^3 $\geq 1,0\text{ kpa}$	18dm^3 $\geq 1,0\text{ kpa}$	
	Sau xử lý già hóa: Thể tích nở (l) Áp suất nở (kPa)	18dm^3 $\geq 1,0\text{ kpa}$	18dm^3 $\geq 1,0\text{ kpa}$	
	Lực trung bình tối thiểu làm rách bao cao su	$\geq 70\text{N}$	73N	
	Khuyết tật lỗ thủng	Không rò nước	Không rò nước	
	Tính toàn vẹn của bao gói	Không rò rỉ, không nhìn thấy nước bên trong	Không rò rỉ, không nhìn thấy nước bên trong	

SAGAMI LOVE ME GOLD	Chiều dài (mm)	$\geq 160\text{mm}$	191mm	ISO 4074:2002
	Chiều rộng(mm)	$52 \pm 2\text{mm}$	51mm	
	Chiều dày (mm)	$\leq (0,065 \pm 0,015)\text{mm}$	0,05mm	
	Trước xử lý già hóa : Thể tích nở (l) Áp suất nở (kPa)	18dm^3 $\geq 1,0 \text{ kPa}$	18dm^3 $\geq 1,3 \text{ kPa}$	
	Sau xử lý già hóa: Thể tích nở (l) Áp suất nở (kPa)	18dm^3 $\geq 1,0 \text{ kPa}$	18dm^3 $\geq 1,2 \text{ kPa}$	
	Lực trung bình tối thiểu làm rách bao cao su	$\geq 70\text{N}$	71N	
	Khuyết tật lỗ thủng	Không rò nước	Không rò nước	
	Tính toàn vẹn của bao gói	Không rò rỉ, không nhìn thấy nước bên trong	Không rò rỉ, không nhìn thấy nước bên trong	
SAGAMI DOTTY G	Chiều dài (mm)	$\geq 160\text{mm}$	191mm	ISO 4074:2002
	Chiều rộng(mm)	$52 \pm 2\text{mm}$	51mm	
	Chiều dày (mm)	$\leq (0,065 \pm 0,015)\text{mm}$	0,05mm	
	Trước xử lý già hóa : Thể tích nở (l) Áp suất nở (kPa)	18dm^3 $\geq 1,0 \text{ kPa}$	18dm^3 $\geq 1,0 \text{ kPa}$	
	Sau xử lý già hóa: Thể tích nở (l) Áp suất nở (kPa)	18dm^3 $\geq 1,0 \text{ kPa}$	18dm^3 $\geq 1,0 \text{ kPa}$	
	Lực trung bình tối thiểu làm rách bao cao su	$\geq 70\text{N}$	71N	
	Khuyết tật lỗ thủng	Không rò nước	Không rò nước	
	Tính toàn vẹn của bao gói	Không rò rỉ, không nhìn thấy nước bên trong	Không rò rỉ, không nhìn thấy nước bên trong	

SAGAMI SIX FIT V	Chiều dài (mm)	$\geq 160\text{mm}$	$185 \pm 5 \text{ mm}$	ISO 4074:2002
	Chiều rộng(mm)	$51 \sim 52 \pm 2\text{mm}$	49mm	
	Chiều dày (mm)	$\leq (0,065 \pm 0,015)\text{mm}$	0,05mm	
	Trước xử lý già hóa : Thể tích nở (l) Áp suất nở (kPa)	16dm^3 $\geq 1,0 \text{ kPa}$	22dm^3 1,0 kPa	
	Sau xử lý già hóa: Thể tích nở (l) Áp suất nở (kPa)	16dm^3 $\geq 1,0 \text{ kPa}$	21dm^3 1,0 kPa	
	Lực trung bình tối thiểu làm rách bao cao su	$\geq 100\text{N}$	100N	
	Khuyết tật lỗ thủng	Không rò nước	Không rò nước	
	Tính toàn vẹn của bao gói	Không rò rỉ, không nhìn thấy nước bên trong	Không rò rỉ, không nhìn thấy nước bên trong	
	Tính toàn vẹn của bao gói	Không rò rỉ, không nhìn thấy nước bên trong	Không rò rỉ, không nhìn thấy nước bên trong	
SAGAMI AMINO GOLD	Chiều dài (mm)	$\geq 160\text{mm}$	$190 \pm 5 \text{ mm}$	ISO 4074:2002
	Chiều rộng(mm)	$52 \pm 2\text{mm}$	51mm	
	Chiều dày (mm)	$\leq (0,065 \pm 0,015)\text{mm}$	$0,049 \pm 0,005\text{mm}$	
	Trước xử lý già hóa : Thể tích nở (l) Áp suất nở (kPa)	18dm^3 $\geq 1,0 \text{ kPa}$	18dm^3 1,0 kPa	
	Sau xử lý già hóa: Thể tích nở (l) Áp suất nở (kPa)	18dm^3 $\geq 1,0 \text{ kPa}$	18dm^3 1,0 kPa	
	Lực trung bình tối thiểu làm rách bao cao su	$\geq 70\text{N}$	72N	
	Khuyết tật lỗ thủng	Không rò nước	Không rò nước	
	Tính toàn vẹn của bao gói	Không rò rỉ, không nhìn thấy nước bên trong	Không rò rỉ, không nhìn thấy nước bên trong	

SAGAMI ORIGINAL	Chiều dài (mm)	$\geq 160\text{mm}$	192 mm	ISO 4074:2002
	Chiều rộng(mm)	$55 \pm 2\text{mm}$ hoặc $58 \pm 2\text{mm}$	53mm	
	Chiều dày (mm)	$\leq (0,065 \pm 0,015)\text{mm}$	0,05mm	
	Trước xử lý già hóa : Thể tích nở (l) Áp suất nở (kPa)	18dm^3 $\geq 1,0 \text{ kPa}$	18dm^3 1,3 kPa	
	Sau xử lý già hóa: Thể tích nở (l) Áp suất nở (kPa)	18dm^3 $\geq 1,0 \text{ kPa}$	18dm^3 1,2 kPa	
	Lực trung bình tối thiểu làm rách bao cao su	$\geq 70\text{N}$	73N	
	Khuyết tật lỗ thủng	Không rò nước	Không rò nước	
	Tính toàn vẹn của bao gói	Không rò rỉ, không nhìn thấy nước bên trong	Không rò rỉ, không nhìn thấy nước bên trong	

4. Bao gói, ghi nhãn, bảo quản, vận chuyển

4.1 Bao gói:

- Sản phẩm được bọc trong bao theo từng gói riêng và trong hộp giấy để tránh ảnh hưởng đến sản phẩm.
- Quy cách đóng gói số lượng trong hộp giấy:
Hộp 12 cái/10 cái/6 cái/5 cái/4 cái/3 cái/2 cái/1 cái.

4.2 Ghi nhãn:

Nội dung ghi nhãn đầy đủ thông tin và theo quy định của pháp luật hiện hành.
Nội dung tối thiểu gồm:

- Tên sản phẩm
- Công ty Nhập khẩu và phân phối độc quyền:

Công Ty Cổ Phần Vật Tư Y Tế Hà Nội

Địa chỉ: A8, lô 18, Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, Q. Hoàng Mai, TP Hà Nội.

- Công ty sản xuất
- Xuất xứ
- Số lô, NSX, HSD

4.3 Vận chuyển:

Sản phẩm được vận chuyển trong điều kiện bình thường

4.4 Bảo quản:

Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

